

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG QUANG QUÝ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG QUANG QUÝ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG QUY CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QUANG QUY JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107715466

3. Ngày thành lập: 24/01/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 01, ngách 154/34 Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985677211

Fax:

Email: ngantrong68@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
2.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
3.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
4.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu	5590
5.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
6.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
7.	Cho thuê xe có động cơ	7710
8.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
9.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
10.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	6329
11.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
12.	Xuất bản phần mềm	5820
13.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
14.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311

15.	Lập trình máy vi tính	6201
16.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
19.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
20.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
21.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
22.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
23.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
24.	In ấn	1811
25.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
26.	Sao chép bản ghi các loại	1820
27.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
28.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
29.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
30.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
31.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
32.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
33.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
34.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
35.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
36.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
37.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	2399
38.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
39.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
40.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
41.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
42.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
43.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
44.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
45.	Xây dựng công trình công ích	4220
46.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
47.	Phá dỡ	4311
48.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

49.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
50.	Bán mô tô, xe máy	4541
51.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
52.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
53.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
54.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (loại nhà nước cho phép)	4620
55.	Bán buôn gạo	4631
56.	Bán buôn thực phẩm	4632
57.	Bán buôn đồ uống	4633
58.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
59.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
60.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
61.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
62.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
63.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
64.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

65.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
66.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
67.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
68.	Bốc xếp hàng hóa	5224
69.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (loại nhà nước cho phép)	7810
70.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
71.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
72.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
73.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
74.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
75.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
76.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
77.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
78.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
79.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
80.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
81.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
82.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
83.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
84.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
85.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
86.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240

87.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
88.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
89.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
90.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
91.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
92.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
93.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
94.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
95.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
96.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
97.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
98.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
99.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
100.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
101.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	4799
102.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
103.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu	4932
104.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (loại nhà nước cho phép)	4669
105.	Bán buôn tổng hợp	4690
106.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
107.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
108.	Quảng cáo	7310
109.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222

111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu	5229
112.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (loại nhà nước cho phép)	7830
113.	Dịch vụ đóng gói	8292
114.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
115.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
116.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
117.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
118.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
119.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
120.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
121.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
122.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
123.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
124.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
125.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
126.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
127.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
128.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
129.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
130.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
131.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
132.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

133.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
134.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
135.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
136.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
137.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
138.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
139.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (loại nhà nước cho phép)	8299
140.	(đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động, kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THÀNH NHƠN	Tổ dân phố số 7 Đình Thôn, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	294.000	2.940.000.000	49,000	036080003081	
			Tổng số	294.000	2.940.000.000	49,000		
2	BÙI ĐÌNH TRỌNG	Căn hộ 29, nhà B, tập thể nhà máy thuốc lá Thăng Long, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	246.000	2.460.000.000	41,000	037080000357	
			Tổng số	246.000	2.460.000.000	41,000		
3	TRẦN THỊ NGÂN	Xóm 4, Xã Quảng Phú Cầu, Huyện Ứng Hoà, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	10,000	112239833	
			Tổng số	60.000	600.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI ĐÌNH TRỌNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/05/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 037080000357

Ngày cấp: 14/12/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 29, nhà B, tập thể nhà máy thuốc lá Thăng Long, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 29, nhà B, tập thể nhà máy thuốc lá Thăng Long, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội